

## **THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 và Tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định như sau:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004**

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 như sau:

“ Phê duyệt các hồ sơ thiết kế có liên quan đến việc đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu phương tiện và các trang thiết bị lắp đặt trên phương tiện”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Thủ tục phê duyệt hồ sơ thiết kế**

1. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt hồ sơ thiết kế. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) 01 Giấy đề nghị duyệt thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Quy định này (bản chính);

b) 03 hồ sơ thiết kế theo quy định của quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho phương tiện (bản chính).

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại, nếu hồ sơ đầy đủ thì hạn thời gian trả kết quả.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành duyệt hồ sơ thiết kế. Nếu không đạt thì thông báo cho tổ chức, cá nhân; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận duyệt thiết kế. Các trường hợp thiết kế loại phương tiện kiểu mới hoặc phức tạp, thời gian hoàn thành phê duyệt thiết kế thực hiện theo thoả thuận giữa Cục Đăng kiểm Việt Nam với tổ chức, cá nhân.

4. Tổ chức, cá nhân có thể nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Thủ tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa**

1. Chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện khi đề nghị kiểm tra để cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa phải gửi/ trình cho đơn vị đăng kiểm hồ sơ như sau:

a) Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Quy định này (bản chính);

b) Hồ sơ kỹ thuật phương tiện như sau:

- Phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi thì trình hồ sơ thiết kế được duyệt (bản chính);

- Phương tiện đang khai thác thì trình giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cùng với Sổ kiểm tra kỹ thuật của phương tiện (bản chính);

- Phương tiện nhập khẩu thì nộp: 01 bản sao chụp tờ khai hàng hoá nhập khẩu đã làm thủ tục hải quan (có bản chính để đối chiếu); 01 hồ sơ thiết kế được Cục Đăng kiểm Việt Nam duyệt (bản chính) và các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì đơn vị đăng kiểm hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện, nếu hồ sơ đã đầy đủ thì hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra. Trường hợp đề nghị kiểm tra bằng hình thức mời trực tiếp, gọi điện thoại hay gửi Fax thì không phải nộp giấy đề nghị kiểm tra như nêu tại điểm a khoản 1.

3. Kết quả kiểm tra mà phương tiện và trang thiết bị lắp trên phương tiện thoả mãn các quy định của quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện chậm nhất một ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường. Các trường hợp khác thực hiện theo thoả thuận giữa

đơn vị đăng kiểm với chủ phương tiện, cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện.

4. Khi nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đơn vị đăng kiểm phải tổ chức thực hiện kiểm tra và trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra theo nội dung, thời gian và địa điểm yêu cầu kiểm tra”.

4. Bổ sung Phụ lục I, Phụ lục II vào Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**

1. Bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 như sau:

**“Điều 10a. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên**

1. Đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên hoàn thiện 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính, hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Quy định này (bản chính);

b) Lý lịch khoa học của người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Quy định này (bản chính);

c) Báo cáo thực tập của người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Quy định này (bản chính);

d) Học bạ của người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Quy định này (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu).

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

a) Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian tiến hành kiểm tra, đánh giá năng lực người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh giá năng lực người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên: Nếu không đạt thì thông báo cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong phạm vi 05 ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra, đánh giá năng lực người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đăng kiểm viên là 36 tháng kể từ ngày ký.

c) Đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên có thể nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính”.

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Lập kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo; tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực người được đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên và cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo Quy định này”;

3. Bổ sung Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III và Phụ lục IV vào Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

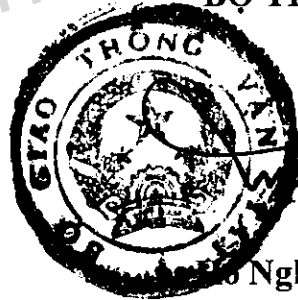
### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

*Handwritten signature*  
**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN/.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Nghĩa Dũng**

**Phụ lục I**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ XÉT DUYỆT THIẾT KẾ**

*(Ban hành bổ sung vào Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004)*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ DUYỆT THIẾT KẾ**

Kính gửi: .....

Đơn vị thiết kế: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm duyệt thiết kế sau:

Tên/Ký hiệu thiết kế:..... Loại thiết kế:.....

Tên tàu/ ký hiệu thiết kế ban đầu (\*):...../.....

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (\*):...../.....

Nội dung thiết kế (\*):

.....  
.....  
.....

Kích thước cơ bản:

Chiều dài ( $L_{max}/L$ ):.....(m); Chiều rộng: ( $B_{max}/B$ ):.....(m);

Chiều cao mạn (D):.....(m); Chiều chìm (d):.....(m);

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải TP/Lượng hàng:.....(tấn);

Số lượng thuyền viên:.....(người); Số lượng hành khách:.....(người);

Máy chính (số lượng, kiểu, công suất):.....;

Kiểu và công dụng của tàu:.....;

Chủ sử dụng thiết kế:.....

Địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:.....

Đơn vị dự kiến thi công:.....

Số lượng thi công:.....(chiếc)

Cấp thiết kế dự kiến:.....; Vùng hoạt động:.....

**Đơn vị đề nghị**

*(Ký tên & đóng dấu)*

(\**) Áp dụng cho thiết kế hoán cải, sửa đổi.*

**Phụ lục II**  
**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA**

*(Ban hành bổ sung vào Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004)*

ĐƠN VỊ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA**

Kính gửi: .....

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa sau:

Tên tàu/ ký hiệu thiết kế:...../.....

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (\*):...../.....

Nội dung kiểm tra:

.....  
.....  
.....

Kích thước cơ bản phương tiện:

Chiều dài ( $L_{max}/L$ ):..... (m); Chiều rộng: ( $B_{max}/B$ ):..... (m);

Chiều cao mạn (D):..... (m); Chiều chìm (d):..... (m);

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải TP/Lượng hàng:..... (tấn);

Số lượng thuyền viên:..... (người); Số lượng hành khách:..... (người);

Máy chính (số lượng, kiểu, công suất):.....;

Kiểu và công dụng của phương tiện:.....;

**Đơn vị đề nghị**

*(Ký tên & đóng dấu)*

(\*) Áp dụng cho phương tiện đang khai thác

**Phụ lục I**

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**

*(Ban hành bổ sung vào Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2000)*

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Kính gửi: .....

Đơn vị đăng kiểm: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên cho:

Họ và tên: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Quê quán: .....

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: .....

Hiện đang là đăng kiểm viên (\*): .....

Đề nghị Cục ĐKVN cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên hạng: .....

Nhận xét chung về quá trình công tác trong thời gian qua:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Đơn vị đăng kiểm**

*(Ký tên & đóng dấu)*

(\* Ghi: chưa được bổ nhiệm hoặc hạng đăng kiểm viên đang giữ



**Phụ lục II**  
**MẪU LÝ LỊCH KHOA HỌC**  
**CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN**  
*(Ban hành bổ sung vào Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2000)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

Phần I

**TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN**

Họ và tên: ..... Nam, Nữ: .....

Ngày tháng, năm sinh: ..... Nơi sinh: .....

Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Đơn vị công tác: .....

Chức danh hiện giữ: .....

Trình độ: + Chuyên môn: .....

+ Ngoại ngữ: .....

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:

1. Vô tàu  2. Máy tàu  3. Điện tàu  4. Vô tuyến điện

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng:..... do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày..... đến ngày...../...../..... tại..... Kết quả đạt loại.....

**Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ**

| TT | Chức danh | Chức vụ | Thời gian |     | Đơn vị công tác |
|----|-----------|---------|-----------|-----|-----------------|
|    |           |         | Từ        | Đến |                 |
|    |           |         |           |     |                 |
|    |           |         |           |     |                 |
|    |           |         |           |     |                 |
|    |           |         |           |     |                 |



**Đào tạo nghiệp vụ**

| Tên khóa đào tạo | Địa điểm | Nơi đào tạo | Thời gian<br>(từ---đến) | Kết quả |
|------------------|----------|-------------|-------------------------|---------|
|                  |          |             |                         |         |
|                  |          |             |                         |         |
|                  |          |             |                         |         |
|                  |          |             |                         |         |
|                  |          |             |                         |         |
|                  |          |             |                         |         |

**Khen thưởng kỷ luật:**

| TT | Hình thức khen thưởng,<br>kỷ luật | Ngày ra<br>quyết định | Thời hạn kỷ<br>luật | Cơ quan ra quyết định<br>khen thưởng, kỷ luật |
|----|-----------------------------------|-----------------------|---------------------|---|
|    |                                   |                       |                     |   |
|    |                                   |                       |                     |   |
|    |                                   |                       |                     |   |

**Phần II****TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN**

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng.....

tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức..... Về chuyên môn.....

Về trình độ ngoại ngữ..... Về trình độ nghiệp vụ Đảng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**Xác nhận của đơn vị**

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục III**  
**MẪU BÁO CÁO THỰC TẬP**  
**CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**  
*(Ban hành bổ sung vào Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2000)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|   |   |   |
|---|---|---|
| <b>Đơn vị đăng kiểm:</b> .....                |   |   |
| Giám đốc/Phó GD<br><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | Trưởng nhóm<br><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | ĐKV hướng dẫn<br><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> |
|   |   |   |
|   |   |   |

**BÁO CÁO THỰC TẬP HÀNG NGÀY**

Nơi thực tập:.....  
ĐKV thực tập:.....  
ĐKV hướng dẫn:.....

Địa điểm và thời gian:.....

Tên tàu: .....

Loại tàu:.....

I- Nội dung thực hiện của ĐKV thực tập: *(Bao gồm cả lý thuyết và thực hành)*

1- Hạng mục kiểm tra/nội dung đào tạo:

.....

2- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(Ghi rõ mục, điều, chương)*:

.....

3- Kết quả kiểm tra *(tốt/đạt/chưa đạt-Nêu lý do đưa ra kết quả-cách khắc phục những khiếm khuyết nếu có)*:

.....

II- **Đánh giá của ĐKV hướng dẫn:**

1- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(phù hợp/chưa phù hợp)*:

.....

2- Cách xử lý các hạng mục kiểm tra của ĐKV thực tập *(Tốt, đạt, chưa đạt)*:

.....

3- Yêu cầu ĐKV thực tập cần thực hiện:

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP**

Họ và tên ĐKV thực tập:.....Đơn vị:.....  
Họ và tên ĐKV hướng dẫn:.....Hạng ĐKV:.....  
Thời gian thực tập từ ngày..... đến ngày..... tại:.....

**I. Nội dung thực tập**

**II. Đánh giá chung quá trình thực tập**

1. Tự nhận xét của ĐKV thực tập:

*(Ghi rõ những nội dung đã làm được, những nội dung chưa làm được và kiến nghị)*

2. Nhận xét chung của ĐKV hướng dẫn:

*(về tính cẩn thận, khả năng tiếp thu, kết quả đào tạo thực hành của học viên, những học viên có khả năng làm độc lập và những kiến nghị)*

**III. Đề xuất của Thủ trưởng đơn vị hướng dẫn:**

*(đề xuất bổ nhiệm hạng Đăng kiểm viên theo khả năng, trình độ của học viên)*

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Thủ trưởng đơn vị hướng dẫn**  
*(Ký tên & đóng dấu)*

**ĐKV hướng dẫn**

**Phụ lục IV**  
**MẪU HỌC BẠ**  
**CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**  
*(Ban hành bổ sung vào Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2000)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**HỌC BẠ**  
**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Họ và tên: .....Đơn vị công tác:.....

Ngày tháng năm sinh: ..... Nơi sinh:.....

Ngày về công tác tại cơ quan đăng kiểm:.....

Trình độ: - Chuyên môn:.....

- Ngoại ngữ: A  B  C  Chuyên ngành  Đại học

- Tin học: Sơ cấp:  Trung cấp  Đại học

**I- ĐÀO TẠO LÝ THUYẾT VÀ NGHIỆP VỤ**

*(Giám đốc trung tâm Đào tạo ghi và xác nhận)*

| TT  | Chủ đề đào tạo | Thời gian, Địa điểm | Kết quả | Xác nhận |
|-----|----------------|---------------------|---------|----------|
| 1.  |                |                     |         |          |
| 2.  |                |                     |         |          |
| 3.  |                |                     |         |          |
| 4.  |                |                     |         |          |
| 5.  |                |                     |         |          |
| 6.  |                |                     |         |          |
| 7.  |                |                     |         |          |
| 8.  |                |                     |         |          |
| 9.  |                |                     |         |          |
| 10. |                |                     |         |          |

## II- ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

(Thủ trưởng đơn vị đào tạo thực hành xác nhận vào những chủ đề đào tạo đã hoàn thành)

### 1. Kiểm tra đóng mới phương tiện thủy nội địa

#### a) Phấn thân tàu

| TT  | Chủ đề đào tạo  | Đơn vị, ngày, ký xác nhận | Đơn vị, ngày ký xác nhận |
|-----|---|---------------------------|--------------------------|
| 1.  | Kiểm tra sự phù hợp của vật liệu  |                           |                          |
| 2.  | Kiểm tra lắp ráp khung xương  |                           |                          |
| 3.  | Kiểm tra lắp ráp tôn vỏ   |                           |                          |
| 4.  | Kiểm tra chất lượng hàn thân tàu  |                           |                          |
| 5.  | Kiểm tra không phá hủy  |                           |                          |
| 6.  | Kiểm tra bánh lái, lắp đặt bánh lái   |                           |                          |
| 7.  | Kiểm tra kết cấu chống cháy   |                           |                          |
| 8.  | Thử kín nước, thử kín không khí các khoang kết, cửa, nắp hầm hàng                           |                           |                          |
| 9.  | Thủy thủy lực   |                           |                          |
| 10. | Đo và xác định trọng tải, thể tích chiếm nước của tàu                                       |                           |                          |
| 11. | Kiểm tra mạn khô, thước nước  |                           |                          |
| 12. | Kiểm tra lần cuối trước khi hạ thủy   |                           |                          |
| 13. | Kiểm tra lắp đặt và thử các trang thiết bị có liên quan đến thân tàu (neo, lái, chằng buộc) |                           |                          |
| 14. | Giám sát và duyệt kết quả thử nghiêng   |                           |                          |
| 15. | Kiểm tra tính năng của tàu  |                           |                          |

#### b) Phần hệ thống máy tàu

| TT | Chủ đề đào tạo                      | Đơn vị, ngày, ký xác nhận | Đơn vị, ngày, ký xác nhận |
|----|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1. | Kiểm tra lắp đặt máy chính, máy phụ |                           |                           |

|     |  |  |  |
|-----|--|--|--|
| 2.  | Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt                                    |  |  |
| 3.  | Kiểm tra lắp đặt chân vịt  |  |  |
| 4.  | Thử thủy lực, thử kín hệ thống đường ống sau khi đã lắp đặt trên tàu |  |  |
| 5.  | Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến                                |  |  |
| 6.  | Thử thiết bị an toàn nồi hơi   |  |  |
| 7.  | Thử bình áp lực  |  |  |
| 8.  | Thử hoạt động các bom trên tàu                                       |  |  |
| 9.  | Kiểm tra, thử máy lái  |  |  |
| 10. | Kiểm tra và thử hệ thống lạnh  |  |  |
| 11. | Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm                            |  |  |
| 12. | Thử hệ thống ngắt từ xa trong trường hợp sự cố của máy chính         |  |  |
| 13. | Thử đường dài phần máy tàu   |  |  |

**c) Phân điện, vô tuyến điện tàu**

| TT | Chủ đề đào tạo  | Đơn vị, ngày, ký xác nhận | Đơn vị, ngày, ký xác nhận |
|----|---|---------------------------|---------------------------|
| 1. | Kiểm tra thiết bị điện ở những khu vực lộ thiên và khu vực chứa hàng      |                           |                           |
| 2. | Thử máy phát điện, thử các bảng điện                                      |                           |                           |
| 3. | Thử hệ thống điện sự cố   |                           |                           |
| 4. | Thử hệ thống kiểm soát và thiết bị báo động                               |                           |                           |
| 5. | Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu     |                           |                           |
| 6. | Thử các thiết bị điều khiển từ xa của máy chính                           |                           |                           |
| 7. | Kiểm tra, thử hoạt động thiết bị vô tuyến điện tàu, các nghi khí hàng hải |                           |                           |

## 2. Kiểm tra phương tiện thủy nội địa đang khai thác

### a) Kiểm tra duy trì cấp tàu

| TT  | Chủ đề đào tạo  | Đơn vị, ngày, ký xác nhận | Đơn vị, ngày, ký xác nhận |
|-----|---|---------------------------|---------------------------|
| 1.  | Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị             |                           |                           |
| 2.  | Kiểm tra hàng năm/trung gian thân tàu và trang thiết bị |                           |                           |
| 3.  | Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị             |                           |                           |
| 4.  | Kiểm tra trên đà thân tàu và trang thiết bị             |                           |                           |
| 5.  | Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu                       |                           |                           |
| 6.  | Kiểm tra hàng năm/trung gian hệ thống máy tàu           |                           |                           |
| 7.  | Kiểm tra định kỳ hệ thống máy tàu                       |                           |                           |
| 8.  | Kiểm tra liên tục hệ thống máy tàu                      |                           |                           |
| 9.  | Kiểm tra thiết bị vô tuyến điện và nghi khí hàng hải    |                           |                           |
| 10. | Kiểm tra nồi hơi, bình chịu áp lực                      |                           |                           |
| 11. | Kiểm tra trục chân vịt và ống bao trục                  |                           |                           |
| 12. | Kiểm tra các trang thiết bị điện tàu                    |                           |                           |
| 13. | Kiểm tra trang bị tự động hóa                           |                           |                           |

### b) Các loại kiểm tra khác

| TT | Chủ đề đào tạo                            | Đơn vị, ngày, ký xác nhận | Đơn vị, ngày, ký xác nhận |
|----|---|---------------------------|---------------------------|
| 1. | Khảo sát sửa chữa thân tàu                |                           |                           |
| 2. | Đo chiều dày tôn vỏ và kết cấu tàu        |                           |                           |
| 3. | Kiểm tra tai nạn/hư hỏng thân tàu         |                           |                           |
| 4. | Kiểm tra tai nạn/hư hỏng hệ thống máy tàu |                           |                           |
| 5. | Kiểm tra giám định trạng thái tàu         |                           |                           |



|     |  |  |  |
|-----|--|--|--|
| 6.  | Kiểm tra tàu chở dầu                           |  |  |
| 7.  | Kiểm tra tàu chở khách                         |  |  |
| 8.  | Kiểm tra tàu chở hóa chất nguy hiểm            |  |  |
| 9.  | Kiểm tra tàu chở khí hóa lỏng                  |  |  |
| 10. | Kiểm tra tàu cao tốc                           |  |  |
| 11. | Kiểm tra tàu vỏ nhôm/vỏ bằng cốt sợi thủy tinh |  |  |

### 3. Kiểm tra tại nhà sản xuất

| TT  | Chủ đề đào tạo                        | Đơn vị, ngày, ký xác nhận | Đơn vị, ngày, ký xác nhận |
|-----|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1.  | Vật liệu                              |                           |                           |
| 2.  | Máy chính                             |                           |                           |
| 3.  | Máy lái điện, điện thủy lực, các đăng |                           |                           |
| 4.  | Máy neo, tời                          |                           |                           |
| 5.  | Neo, xích neo                         |                           |                           |
| 6.  | Chân vịt                              |                           |                           |
| 7.  | Dây cáp thép, cáp sợi                 |                           |                           |
| 8.  | Xuồng cứu sinh và thiết bị nâng hạ    |                           |                           |
| 9.  | Phao cứu sinh                         |                           |                           |
| 10. | Trục chân vịt                         |                           |                           |
| 11. | Động cơ, máy phát điện                |                           |                           |
| 12. | Hệ thống máy thủy lực                 |                           |                           |
| 13. | Nồi hơi                               |                           |                           |
| 14. | Bình áp lực                           |                           |                           |

|    |                        |  |  |
|----|------------------------|--|--|
| 15 | Thiết bị nâng trên tàu |  |  |
| 16 | Móc kéo                |  |  |

#### 4. Phê duyệt thiết kế

(Thủ trưởng đơn vị đào tạo thực hành xác nhận vào những chủ đề đào tạo đã hoàn thành)

| Nội dung xét duyệt                          | Tàu thông thường                   | Tàu kiểu đặc biệt                  | Tàu khách                          |
|---|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| Duyệt thiết kế hoàn công                    | .....                              | .....                              | .....                              |
| Duyệt thiết kế hoán cải                     | .....                              | .....                              | .....                              |
| Duyệt thiết kế đóng mới, thiết kế lập hồ sơ | .....<br>Đơn vị, ngày, ký xác nhận | .....<br>Đơn vị, ngày, ký xác nhận | .....<br>Đơn vị, ngày, ký xác nhận |

#### 5. Phê duyệt quy trình sản xuất và sử dụng

| TT  | Chủ đề đào tạo   | Đơn vị, ngày, ký xác nhận | Đơn vị, ngày, ký xác nhận |
|-----|--|---------------------------|---------------------------|
| 1.  | Phê duyệt quy trình đúc chân vịt                             |                           |                           |
| 2.  | Phê duyệt quy trình chế tạo neo                              |                           |                           |
| 3.  | Phê duyệt quy trình chế tạo xích neo                         |                           |                           |
| 4.  | Phê duyệt quy trình chế tạo máy lái                          |                           |                           |
| 5.  | Phê duyệt quy trình sản xuất cáp sợi tổng hợp                |                           |                           |
| 6.  | Phê duyệt kiểu xương cứu sinh                                |                           |                           |
| 7.  | Phê duyệt kiểu bè cứu sinh                                   |                           |                           |
| 8.  | Phê duyệt kiểu vật liệu chống cháy                           |                           |                           |
| 9.  | Phê duyệt kiểu vật liệu cách điện và vật liệu chống thấm dầu |                           |                           |
| 10. | Phê duyệt quy trình chế tạo nồi hơi và bình chịu áp lực      |                           |                           |
| 11. | Phê duyệt việc sử dụng động cơ diesel                        |                           |                           |
| 12. | Phê duyệt việc sử dụng hệ thống và thiết bị tự động          |                           |                           |
| 13. | Phê duyệt việc sử dụng thiết bị đo mức chất lỏng             |                           |                           |

|     |  |  |  |
|-----|--|--|--|
| 14. | Phê duyệt kiểu và sử dụng bộ ngắt mạch           |  |  |
| 15. | Phê duyệt kiểu và sử dụng thiết bị điện phòng nổ |  |  |
| 16. | Phê duyệt quy trình sản xuất và sử dụng cáp điện |  |  |
| 17. | Phê duyệt quy trình hàn, kiểm tra NDT            |  |  |
| 18. | Kiểm tra thợ hàn, NDT                            |  |  |

....., ngày ... tháng..... năm .....

**CỤC ĐĂNG KÍỂM VIỆT NAM**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)